ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH:**

**TÊN TIẾNG ANH:**

**MÃ NGÀNH:**

**KHỐI NGÀNH:**

**KHOA QUẢN LÝ:**

**TRÌNH ĐỘ:**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**

**Đà Nẵng, tháng..năm 202..**

**MỤC LỤC**

[A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT 1](#_Toc69217794)

[B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG 2](#_Toc69217795)

[I. Triết lý giáo dục 2](#_Toc69217796)

[II. Tầm nhìn 2](#_Toc69217797)

[III. Sứ mạng 2](#_Toc69217798)

[C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2](#_Toc69217799)

[I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs) 2](#_Toc69217800)

[II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs) 2](#_Toc69217801)

[III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 3](#_Toc69217802)

[IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam 4](#_Toc69217803)

[V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau tốt nghiệp 5](#_Toc69217804)

[VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp 5](#_Toc69217805)

[VII. Chiến lược giảng dạy và học tập 6](#_Toc69217806)

[D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 7](#_Toc69217807)

[I. Cấu trúc chương trình đào tạo 7](#_Toc69217808)

[II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức 7](#_Toc69217809)

[2.1. Khung chương trình đào tạo 7](#_Toc69217810)

[2.2. Kế hoạch đào tạo 9](#_Toc69217811)

[III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)](#_Toc69217812)

[IV. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 10](#_Toc69217813)

[E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ 10](#_Toc69217814)

[I. Quy trình đào tạo 10](#_Toc69217815)

[II. Cách thức và công cụ đánh giá 11](#_Toc69217816)

[F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN 11](#_Toc69217817)

[G. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 11](#_Toc69217819)

H. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 11

[I. Cập nhật chương trình đào tạo 11](#_Toc69217821)

II. Đánh giá chương trình đào tạo .......................................................................... ..11

[PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN 13](#_Toc69217827)

PHỤ LỤC 2: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ….**

(*Ban hành theo Quyết định số ……./QĐ-ĐHSP ngày …tháng…..năm 20…*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng*)

# A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

*-Chương trình đào tạo (CTĐT)… được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học … theo Quyết định số…../QĐ-ĐHSP ngày ….của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.*

*-CTĐT được xây dựng và quản lý bởi Khoa nào? Gồm có các chuyên ngành gì?*

*-Trình bày vắn tắt về tầm nhìn, sứ mạng của Khoa…*

**Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): |  |
| 2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): |  |
| 3. Trình độ đào tạo: |  |
| 4. Mã ngành đào tạo: |  |
| 5. Đối tượng tuyển sinh: |  |
| 6. Thời gian đào tạo: | …năm (… học kỳ) |
| 7. Loại hình đào tạo: | Chính quy |
| 8. Chương trình đào tạo: | Định hướng nghiên cứu/ứng dụng |
| 9. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: |  |
| 10. Khoa quản lý: |  |
| 11. Ngôn ngữ: |  |
| 12. Website: |  |
| 13. Thang điểm: | Thang điểm 4/10 |
| 14. Điều kiện tốt nghiệp: | Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: (Có thể trích lược Quy định vào đây) |
| 15. Văn bằng tốt nghiệp: |  |
| 16. Vị trí việc làm: | *(theo Chuẩn đầu ra của CTĐT đã ban hành theo QĐ số…)* |
| 17. Khả năng nâng cao trình độ: | *(theo Chuẩn đầu ra của CTĐT đã ban hành theo QĐ số…)* |
| 18. Chương trình đào tạo đối sánh: | … |
| 19. Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: |  |

# B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

## I. Triết lý giáo dục

**Triết lý giáo dục của Trường**

**Triết lý giáo dục của Khoa … (nếu có)**

## II. Tầm nhìn

**Tầm nhìn của Trường**

**Tầm nhìn của Khoa …**

## III. Sứ mạng

**Sứ mạng của Trường**

**Sứ mạng của Khoa …**

# C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

***1. Mục tiêu chung***

***2. Mục tiêu cụ thể***

* **PO1:**
* **PO2.**
* **…..**
* **PO**n.

## II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên ngành…có khả năng:

* **PLO1:**
* PI 1.1:
* PI 1.2:
* …..
* **PLO2:**
* PI 2.1:
* PI 2.2:
* ……

……………..

* **PLOn:**
* PI n.1:
* PI n.2:
* ……

**PLO**n.

## III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng người học có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

*(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của CTĐT (POs)** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)** | | | | | | | |
| PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | … |
| PO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| PO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| POn |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng 2. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa Pos, PLOs và PIs.**

| **PO** | **PLO** | **PI** |
| --- | --- | --- |
| **PO 1:** | **PLO 1:** | **PI 1.1:**  **PI 1.2:** |
| ..... | **PI 2.1:**  **PI 2.2:**  **PI 2.3:** |
| **POn:** | **PLO n:** | **PI n.1:**  **PI n.2:**.  **PI n.3:** |
| **.......** |  |

## IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

**Bảng 3. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc …**

| **Kiến thức** | **Kỹ năng** | **Mức tự chủ và trách nhiệm** |
| --- | --- | --- |
| ….. | **….** | … |

Bảng 4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

*(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR theo Khung trình độ QG  Chuẩn đầu ra CTĐT | Kiến thức | | | | Kỹ năng | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | |
| KT1 | KT2 | KT3 | …. | KN1 | KN2 | KN3 | … | TCTN1 | TCTN2 | TCTN3 | …. |
| PLO 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| PLO 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| PLO n |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

## V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau tốt nghiệp

**1. Cơ hội việc làm**

Người học tốt nghiệp từ CTĐT ngành ………… có thể làm các công việc:

1.

2.

3.

**2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

## VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

**1. Tiêu chí tuyển sinh**

*CTĐT ngành ………………….. chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:*

1. *Tốt nghiệp THPT/đại học/cao học…;*
2. *…*

**2. Điều kiện tốt nghiệp**

Người học được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt…;

3. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

## VII. Chiến lược giảng dạy và học tập

Nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT chuyên ngành …, trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

***1. Chiến lược dạy học trực tiếp***

*Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên viên trình bày và sinh viên/học viên/NCS lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.*

*Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành … áp dụng gồm phương pháp …*

***2. Chiến lược dạy học gián tiếp***

*Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến sinh viên/học viên/NCS mà thay vào đó, sinh viên/học viên/NCS được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: …*

***3. Học trải nghiệm***

*Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: …*

***4. Dạy học tương tác***

*Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: …*

***5. Tự học***

*…*

*Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp người học đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:*

**Bảng 5. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT**

*(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chiến lược và phương pháp dạy - học** | | **Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)** | | | | | | | | |
| PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | … |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

# D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành … khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được nêu trong Bảng 6.

**Bảng 6. Các khối kiến thức và số tín chỉ**

| **STT** | **Khối kiến thức** | **Số**  **tín**  **chỉ** | **Số tín chỉ** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** | |
| Bắt buộc | Tự do |
| **I** | **Khối kiến thức chung** | 3/4 |  |  |  |
| **II** | **Khối kiến thức Cơ sở ngành và Chuyên ngành** |  |  |  |  |
| 1 | Khối kiến thức Cơ sở ngành |  |  |  |  |
| 2 | Khối kiến thức Chuyên ngành |  |  |  |  |
| **III** | **Thực tập/Đồ án, chuyên đề** |  |  |  |  |
|  | Thực tập |  |  |  |  |
|  | Đồ án, chuyên đề |  |  |  |  |
| **III** | **Khóa luận/Luận văn, đề án/Luận án tốt nghiệp** |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  |  |  |  |

## II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

### 2.1. Khung chương trình đào tạo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | | | | **HP học trước/ tiên quyết/ song hành** | | **Khoa quản lý** | |
| **TC** | **LT** | **TH/TN** |  | |  | |
| **KHỐI KIẾN THỨC CHUNG** | | |  |  |  |  | |  | |
| 1 |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
| **KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH** | | |  |  |  |  | |  | |
|  |  | **Kiến thức Cơ sở ngành** |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  | ***Học phần Tự chọn*** |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  | **Kiến thức Chuyên ngành** |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  | ***Học phần Tự chọn*** |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
| THỰC TẬP/ĐỒ ÁN, CHUYÊN ĐỀ | | |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  | |
| **KHÓA LUẬN/LUẬN VĂN, ĐÊ ÁN/LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP** | | |  |  |  |  | |  | |
| **TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA** | | |  |  |  |  | |  | |
| **Tổng số tín chỉ bắt buộc** | | |  |  |  |  | |  | |
| **Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu** | | |  |  |  |  | |  | |

### 2.2. Kế hoạch đào tạo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | | | | **HP học trước/ tiên quyết/ song hành** | | **Khoa giảng dạy** | |
| **TC** | **LT** | **TH/TN** |  | |  | |
| 1 |  | KIẾN THỨC CHUNG |  |  |  |  | |  | |
|  | …. |  |  |  |  | |  | |
|  | KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  | ***Học phần Tự chọn*** |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  | **Tổng tín chỉ trong học kỳ** |  |  |  |  | |  | |
| 2 |  | KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  | ***Học phần Tự chọn*** |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  | **Tổng tín chỉ trong học kỳ** |  |  |  |  | |  | |
| 3 |  | KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  | ***Học phần Tự chọn*** |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  | **Tổng tín chỉ trong học kỳ** |  |  |  |  | |  | |
| …. |  | **THỰC TẬP/CHUYÊN ĐỀ** |  |  |  |  | |  | |
|  | **KHÓA LUẬN/LUẬN VĂN, ĐỀ ÁN/LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP** |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |
|  | **Tổng tín chỉ trong học kỳ** |  |  |  |  | |  | |

## III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)

Khoa chèn mẫu cây CTĐT vào đây

## III. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PHỤ LỤC 3

# E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

## I. Quy trình đào tạo

*CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư pham. Thời gian đào tạo trong … năm. Mỗi năm học gồm … học kỳ (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Bảy năm sau). Theo lộ trình được thiết kế, học viên được học các học phần thuộc khối kiến thức chung và cơ sở ngành từ học kỳ … đến học kỳ …, các kiến thức chuyên ngành được học trong … học kỳ tiếp theo…………….*

*Học viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là ... TC với điểm trung bình tốt nghiệp.............*

## II. Cách thức và công cụ đánh giá

***1. Đánh giá kết quả học tập***

***2. Đánh giá học phần***

***3. Phương pháp đánh giá học phần***

***4. Cách tính điểm học phần***

# F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

| **Số TT** | 1. **Tên học phần** | 1. **Tóm tắt học phần** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

# G. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm về đào tạo trình độ … theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm hoặc tối thiểu năm năm/lần nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

# H. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## I. Cập nhật chương trình đào tạo

Hằng năm, Trưởng Khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/6/2021.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật.

## II. Đánh giá chương trình đào tạo

Ít nhất 5 năm một lần, Trưởng Khoa chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm và theo Thông tư …. của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày ….

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **HIỆU TRƯỞNG** |

# 

# PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN

1. **Danh sách giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên giảng viên** | **Học vị** | **Học hàm** | 1. **Email** | **Khoa/bộ môn** | **Học phần tham gia giảng dạy** |
| 1. 1 | *(họ và tên), (năm sinh), (chức vụ)* | *Học vị, (nước), (năm)* | *Học hàm, (năm)* |  |  |  |
| 1. … |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:******Yêu cầu******có ít nhất …. giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký đào tạo, trong đó có ít nhất******… Phó Giáo sư*** *chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo**(Điều 10/11/12, Thông tư 17/TT-BGDĐT về đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ đào tạo);* ***Danh sách giảng viên không trùng với giảng viên cơ hữu*** *là điều kiện đào tạo trình độ …. của các ngành khác.*

**2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên giảng viên** | **Học vị** | **Học hàm** | **Email** | **Khoa/bộ môn** | **Học phần tham gia giảng dạy** |
| 1. 1 | *(họ và tên), (năm sinh), (chức vụ)* | *Học vị, (nước), (năm)* | *Học hàm, (năm)* |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

**3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên giảng viên** | **Học vị** | **Học hàm** | **Email** | **Cơ quan** | **Kinh nghiệm**  **giảng dạy** | **Học phần tham gia giảng dạy** |
| 1. 1 | *(họ và tên), (năm sinh), (chức vụ)* | *Học vị, (nước), (năm)* | *Học hàm, (năm)* |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:** Kinh nghiệm giảng dạy: Nơi giảng dạy, thời gian, ngôn ngữ